

**NIÊN GIÁM THỐNG KÊ
2008**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
TỔNG CỤC THỐNG KÊ
GENERAL STATISTICS OFFICE

**NIÊN GIẢM
THỐNG KÊ
STATISTICAL YEARBOOK
OF VIETNAM
2008**

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ - HÀ NỘI, 2009
STATISTICAL PUBLISHING HOUSE

LỜI NÓI ĐẦU

Niên giám Thống kê là ấn phẩm được Tổng cục Thống kê xuất bản hàng năm, bao gồm những số liệu thống kê cơ bản phản ánh khái quát động thái và thực trạng kinh tế - xã hội của cả nước, của các vùng và các địa phương. Ngoài ra, trong nội dung cuốn Niên giám này còn có những số liệu thống kê chủ yếu của các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới nhằm cung cấp thêm tư liệu tham khảo phục vụ yêu cầu nghiên cứu và so sánh quốc tế.

Theo Nghị quyết số 15/2008/NQ-QH12 ngày 29 tháng 5 năm 2008 của Quốc hội, từ 01/8/2008 địa giới hành chính thành phố Hà Nội được điều chỉnh mở rộng trên cơ sở hợp nhất thành phố Hà Nội với tỉnh Hà Tây; huyện Mê Linh của tỉnh Vĩnh Phúc và 4 xã (Đông Xuân, Tiến Xuân, Yên Bình, Yên Trung) của huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Do đó, trong Niên giám Thống kê năm 2008 xuất bản lần này, số liệu năm 2008 của thành phố Hà Nội, tỉnh Vĩnh Phúc và tỉnh Hòa Bình đã được tính toán theo địa giới hành chính mới.

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội và để phù hợp với công tác lập, giám sát và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, các số liệu phân tổ theo vùng trong Niên giám Thống kê năm 2008 đã được phân theo 6 vùng kinh tế - xã hội, thay cho phân tổ theo 8 vùng kinh tế như trong các cuốn Niên giám Thống kê đã phát hành trước đây.

Tổng cục Thống kê chân thành cảm ơn ý kiến đóng góp và sự giúp đỡ của các cơ quan, đơn vị, cá nhân về nội dung cũng như hình thức đối với ấn phẩm này. Chúng tôi mong tiếp tục nhận được nhiều ý kiến góp ý để Niên giám Thống kê quốc gia Việt Nam ngày càng hoàn thiện và đáp ứng tốt hơn yêu cầu của các đối tượng sử dụng thông tin thống kê trong nước và quốc tế.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

FOREWORD

The Statistical Yearbook, an annual publication by the General Statistics Office, comprises basic data reflecting the general socio-economic dynamic and situation of Vietnam. In addition, the international statistics part has been included to provide reference information for studies and international comparison.

According to Resolution No. 15/2008/NQ-QH12 of the National Assembly date May 29th 2008, since August 1st 2008 the administrative border of Hanoi city has been expanded on the basis of merging areas of Hanoi city, Ha Tay province, Me Linh district of Vinh Phuc province and 4 communes (Dong Xuan, Tien Xuan, Yen Binh, Yen Trung) under Luong Son district, Hoa Binh province. Therefore, in this edition, data 2008 of Hanoi city, Vinh Phuc and Hoa Binh provinces have been recalculated in accordance with their new borders.

According to Decree No. 92/2006/ND-CP dated 07 September 2006 of the Government providing on establishment, approval and management of master plans on socio-economic development, and in lines with practices of establishment, monitoring and management of master plans on socio-economic development, data by region in Vietnam Statistical Yearbook 2008 are disaggregated into 6 main socio-economic regions, in stead of 8 ones as in previous statistical yearbooks.

The General Statistics Office would like to express its sincere thanks to agencies, organizations and individuals for their suggestions, criticisms on the content and form of this publication and for their helps in the past years. We hope to receive more comments to improve Vietnam Statistical Yearbook in the next release and better satisfy the demands of domestic and foreign statistical users.

GENERAL STATISTICS OFFICE

MỤC LỤC - CONTENTS

	Trang - Page
Lời nói đầu	5
<i>Foreword</i>	6
Đơn vị Hành chính, Đất đai và Khí hậu	
<i>Administrative Unit and Climate</i>	9
Dân số và Lao động	
<i>Population and Employment</i>	29
Tài khoản Quốc gia và Ngân sách Nhà nước	
<i>National Accounts and State budget</i>	63
Đầu tư	
<i>Investment</i>	89
Doanh nghiệp và Cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể	
<i>Enterprise and Individual business establishment</i>	117
Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản	
<i>Agriculture, Forestry and Fishing</i>	201
Công nghiệp	
<i>Industry</i>	339
Thương mại, Giá cả và Du lịch	
<i>Trade, Price and Tourism</i>	431
Vận tải và Bưu chính, Viễn thông	
<i>Transport and Postal Services, Telecommunications</i>	479
Giáo dục	
<i>Education</i>	523
Y tế, Văn hóa, Thể thao và Mức sống dân cư	
<i>Health, Culture, Sport and Living standard</i>	561
Số liệu thống kê nước ngoài	
<i>International Statistics</i>	627